BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SUN - SỐNG TINH HOA - Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy

Kế thừa vị thế, nâng tầm thế hệ

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A

TÍCH LŨY & KẾ THỪA TINH HOA

- Tích lũy hiệu quả và an toàn với lãi suất không thấp hơn mức đảm bảo trong suốt Thời hạn bảo hiểm
- Dễ dàng nhận nhiều khoản thưởng hấp dẫn
- Nhận toàn bộ Giá trị tài khoản khi đáo hạn hợp đồng

BẢO VỆ VƯỢT TRỘI

- Phí bảo vệ đặc biệt ưu đãi
- Đảm bảo chi trả quyền lợi đã cam kết khi có sự kiện bảo hiểm
- Đảm bảo tăng mức bảo vệ miễn thẩm định khi gia tăng trách nhiệm tài chính

LINH HOẠT KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

- Đóng phí và đầu tư thêm theo nhu cầu
- Rút tiền theo nhu cầu bất kỳ lúc nào

Ngày lập: 05/07/2024
Người lập: [redacted] Mã số: 174433 Điện thoại: [redacted]
Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của TVTC:
Lưu ý: Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo thông tin sản phẩm, tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm SUN - Sống Tinh Hoa dự kiến tham gia tại https://sunlife.co/sun-ez.

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A **Tuổi: 30** **Giới tính: Nam** **Nghề nghiệp: BIÊN TẬP VIÊN SÁCH, TẠP CHÍ**

Đơn vị tính: Đồng

Người được bảo hiểm (NĐBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm) (*)	Phí bảo hiểm năm
NGUYEN VAN A	01/01/1994	30 - Nam	1	SUN – Sống Tinh Hoa - Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy	2.000.000.000	70	35.000.000
				Bảo hiểm bổ sung - Sống An	100.000.000	15	290.000
				Bảo hiểm bổ sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện	1.000.000.000	15	4.580.000

	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	8.750.000	17.500.000	35.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	1.217.500	2.435.000	4.870.000
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	9.967.500	19.935.000	39.870.000
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (4)	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4) ○	**9.968.000** ○	**19.935.000** ◉	**39.870.000**

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG (tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm.
Đối với sản phẩm SUN - Sống Tinh Hoa, Thời hạn đóng phí bắt buộc là 3 Năm hợp đồng đầu tiên. **Thời hạn đóng phí dự kiến trên bảng minh họa này là 15 năm**. Từ Năm hợp đồng thứ 4, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt (có thể khác với thời hạn đóng phí dự kiến này), tùy theo tình hình tài chính, nhu cầu tích lũy và bảo vệ của mình. Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu được minh họa ở thời hạn đóng phí dự kiến khác với Bảng minh họa này, vui lòng yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa mới với (các) thời hạn đóng phí dự kiến khác. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể dẫn đến hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng (đặc biệt khi Bên mua bảo hiểm tham gia nhiều sản phẩm bổ sung và đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung; hoặc Người được bảo hiểm có mức Phí bảo hiểm rủi ro cao ở các độ tuổi lớn; hoặc Bên mua bảo hiểm thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản). Ngoài ra, các Khoản thưởng giúp gia tăng Giá trị tài khoản sẽ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm thỏa điều kiện nhận thưởng theo quy định.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
SUN – Sống Tinh Hoa	Tử vong	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	
	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước ngày sinh nhật lần thứ 75 của Người được bảo hiểm.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
Bảo hiểm bổ sung - Sống An (**)	Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn	Lên đến 100.000.000/ Năm hợp đồng	Chi trả % STBH tương ứng với các chấn thương được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này. Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương các cơ quan nội tạng, đứt Mô liên kết, Bỏng độ 2 từ 20% bề mặt cơ thể & Bỏng độ 3 từ 10% đến dưới 20% bề mặt cơ thể) chấm dứt khi tổng quyền lợi chi trả cho Chấn thương do Tai nạn đạt 200% STBH.
	Chấn thương nghiêm trọng và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	100.000.000	Chấn thương nghiêm trọng bao gồm Bỏng độ 3 từ 20% bề mặt cơ thể; Hôn mê; Chấn thương sọ não nghiêm trọng
	Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp đặc biệt	Lên đến 300.000.000	Chi trả theo % STBH tương ứng với các sự kiện sau: hành khách trên chuyến bay thương mại hoặc Phương tiện giao thông công cộng, trong các ngày nghỉ Lễ/ Tết của Việt Nam, hỏa hoạn/sự cố thang máy trong các Tòa nhà công cộng, khi đang làm việc hoặc vợ/chồng cùng tử vong trong một tai nạn.
	Tử vong do các Tai nạn khác	100.000.000	

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
Bảo hiểm bổ sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu(***)	250.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 500 triệu đồng.
	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo(***)	1.000.000.000	
	Bị chẩn đoán mắc Biến chứng tiểu đường (***)	250.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Biến chứng tiểu đường của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 250 triệu đồng.

Ghi chú:

(**) Các quyền lợi đã chi trả (nếu có) trong cùng 1 Tai nạn hoặc trong cùng Năm hợp đồng sẽ bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn. Trong cùng 1 Tai nạn, nếu NĐBH thỏa nhiều sự kiện bảo hiểm dẫn đến chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung này (bao gồm Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn, Tử vong do Tai nạn), Công ty sẽ chỉ chi trả cho một sự kiện bảo hiểm có tỷ lệ phần trăm cao nhất.

(***) Quyền lợi được chi trả với điều kiện: Người được bảo hiểm còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán; và bệnh được chẩn đoán xác định sau 90 ngày kể từ ngày SPBS này có hiệu lực hoặc Ngày khôi phục Hợp đồng bảo hiểm gần nhất (nếu có); và không thuộc các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Lưu ý:

- Sun Life Việt Nam sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm cho các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).

- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Việc kê khai thông tin không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến rủi ro không được Sun Life Việt Nam chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có) và được đăng tải tại www.sunlife.com.vn.

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN

Danh sách Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu		
I. Áp dụng khi NĐBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17		
1. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim 2. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 3. Động kinh nặng		
II. Áp dụng khi NĐBH có Tuổi hiện tại từ 18 - 75		
1. Ung thư giai đoạn đầu/Ung thư biểu mô tại chỗ 2. Tạo hình mạch máu và các phương pháp điều trị xâm lấn khác đối với bệnh động mạch vành 3. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 4. Cấy máy tạo nhịp tim/Cấy máy khử rung tim	5. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/Suy thận cấp 6. Đặt lưu dẫn não thất 7. Phẫu thuật Phình mạch máu não/ Dị dạng mạch máu não (AVM) 8. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 9. Xơ gan 10. Ghép ruột non	11. Phẫu thuật gan 12. Ghép giác mạc 13. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim co thắt 14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 16. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 17. U tủy thượng thận
III. Áp dụng cho NĐBH có Tuổi hiện tại từ 65 - 75		
1. Gãy cột sống do Tai nạn 2. Đột quỵ có chỉ định phẫu thuật cắt bỏ nội mạc động mạch cảnh 3. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy		

Danh sách Biến chứng tiểu đường
1. Cắt cụt chi thứ phát do tiểu đường 2. Phẫu thuật Laser quang đông điều trị bệnh võng mạc do tiểu đường 3. Bệnh thận do tiểu đường

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN

Danh sách Bệnh hiểm nghèo		
I. Áp dụng khi NĐBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 75		
1. Bệnh Alzheimer	19. Suy thận giai đoạn cuối	36. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus
2. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Mất các chi	
3. Bệnh thiếu máu bất sản	21. Mất khả năng phát âm	37. Bệnh nặng giai đoạn cuối
4. Viêm màng não do vi khuẩn	22. Bỏng nặng	38. Bệnh Creutzfeldt-Jacob (bệnh bò điên)
5. U não lành tính	23. Ung thư đe dọa tính mạng	39. Viêm tụy mạn tính tái phát
6. Mất thị lực	24. Chấn thương sọ não nghiêm trọng	40. Nhiễm HIV do truyền máu
7. Cấy ghép tủy xương	25. Ghép nội tạng chính	41. Nhiễm HIV do nghề nghiệp
8. Phẫu thuật sọ não	26. Bệnh nang tủy thận	42. Tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
9. Bệnh cơ tim	27. Bệnh tế bào thần kinh vận động	43. Bệnh phù chân voi
10. Hôn mê	28. Bệnh đa xơ cứng	44. Hội chứng Apallic / Trạng thái thực vật
11. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	29. Bệnh teo cơ	45. Sốt xuất huyết Ebola
12. Mất thính lực	30. Liệt	46. Suy tuyến thượng thận mạn tính / Bệnh Addison
13. Viêm não	31. Bệnh Parkinson	47. Bệnh Crohn có đường rò
14. Bệnh suy gan giai đoạn cuối	32. Bệnh bại liệt	48. Viêm cân mạc hoại tử
15. Bệnh phổi giai đoạn cuối	33. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát	49. Xơ cứng bì tiến triển
16. Viêm gan siêu vi tối cấp	34. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	50. Liệt trên nhân tiến triển
17. Bệnh nhồi máu cơ tim	35. Đột quỵ	51. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
18. Phẫu thuật thay thế van tim		
II. Áp dụng khi NĐBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17		
1. Phẫu thuật tim	3. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim mạch	5. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát
2. Bệnh tiểu đường tuýp 1	4. Bệnh Still (bao gồm Viêm khớp dạng thấp ở trẻ vị thành niên)	6. Suy giảm trí tuệ nghiêm trọng do bệnh tật hoặc tai nạn

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,6%/năm(6)						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
1/30	39.870	35.000	-	4.870	10.500	-	7.848	-	7.848	-	2.000.000	-
2/31	39.870	35.000	-	4.870	14.000	-	19.769	-	19.769	-	2.000.000	-
3/32	39.870	35.000	-	4.870	24.500	-	43.343	-	43.343	11.843	2.000.000	-
4/33	39.870	35.000	-	4.870	33.250	-	77.395	-	77.395	47.645	2.000.000	-
5/34	39.870	35.000	-	4.870	33.250	1.569	114.812	-	114.812	86.812	2.000.000	-
6/35	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	154.470	-	154.470	129.970	2.000.000	-
7/36	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	196.189	-	196.189	175.189	2.000.000	-
8/37	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	240.045	-	240.045	226.045	2.000.000	-
9/38	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	286.160	-	286.160	279.160	2.000.000	-
10/39	39.870	35.000	-	4.870	35.000	8.297	342.945	-	342.945	342.945	2.000.000	-
11/40	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	394.386	-	394.386	394.386	2.000.000	-
12/41	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	448.475	-	448.475	448.475	2.000.000	-
13/42	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	505.366	-	505.366	505.366	2.000.000	-
14/43	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	565.210	-	565.210	565.210	2.000.000	-
15/44	39.870	35.000	-	4.870	35.000	19.834	648.026	-	648.026	648.026	2.000.000	-
16/45	-	-	-	-	-	-	678.442	-	678.442	678.442	2.000.000	-
17/46	-	-	-	-	-	-	710.227	-	710.227	710.227	2.000.000	-
18/47	-	-	-	-	-	-	743.460	-	743.460	743.460	2.000.000	-
19/48	-	-	-	-	-	-	778.216	-	778.216	778.216	2.000.000	-
20/49	-	-	-	-	-	-	814.569	-	814.569	814.569	2.000.000	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo (7)						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
1/30	39.870	35.000	-	4.870	10.500	-	7.685	-	7.685	-	2.000.000	-
2/31	39.870	35.000	-	4.870	14.000	-	19.077	-	19.077	-	2.000.000	-
3/32	39.870	35.000	-	4.870	24.500	-	41.522	-	41.522	10.022	2.000.000	-
4/33	39.870	35.000	-	4.870	33.250	-	73.571	-	73.571	43.821	2.000.000	-
5/34	39.870	35.000	-	4.870	33.250	1.511	107.978	-	107.978	79.978	2.000.000	-
6/35	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	142.863	-	142.863	118.363	2.000.000	-
7/36	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	178.450	-	178.450	157.450	2.000.000	-
8/37	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	213.656	-	213.656	199.656	2.000.000	-
9/38	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	249.346	-	249.346	242.346	2.000.000	-
10/39	39.870	35.000	-	4.870	35.000	7.467	292.975	-	292.975	292.975	2.000.000	-
11/40	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	328.108	-	328.108	328.108	2.000.000	-
12/41	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	363.472	-	363.472	363.472	2.000.000	-
13/42	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	399.058	-	399.058	399.058	2.000.000	-
14/43	39.870	35.000	-	4.870	35.000	-	434.839	-	434.839	434.839	2.000.000	-
15/44	39.870	35.000	-	4.870	35.000	15.940	486.751	-	486.751	486.751	2.000.000	-
16/45	-	-	-	-	-	-	485.133	-	485.133	485.133	2.000.000	-
17/46	-	-	-	-	-	-	482.959	-	482.959	482.959	2.000.000	-
18/47	-	-	-	-	-	-	480.186	-	480.186	480.186	2.000.000	-
19/48	-	-	-	-	-	-	476.758	-	476.758	476.758	2.000.000	-
20/49	-	-	-	-	-	-	472.601	-	472.601	472.601	2.000.000	-
21/50	-	-	-	-	-	-	465.294	-	465.294	465.294	2.000.000	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo (7)						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
26/55	-	-	-	-	-	-	411.567	-	411.567	411.567	2.000.000	-
31/60	-	-	-	-	-	-	315.628	-	315.628	315.628	2.000.000	-
36/65	-	-	-	-	-	-	144.267	-	144.267	144.267	2.000.000	-
38/67	-	-	-	-	-	-	40.724	-	40.724	40.724	2.000.000	-
39/68	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,6%/năm[6]						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm [1]	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng [2]	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản [3]	Giá trị hoàn lại [4]	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền [5]
1/30	39.870	35.000	-	4.870	10.500	-	7.848	-	7.848	-	2.000.000	-
2/31	39.870	35.000	-	4.870	14.000	-	19.769	-	19.769	-	2.000.000	-
3/32	39.870	35.000	-	4.870	24.500	-	43.343	-	43.343	11.843	2.000.000	-
4/33	-	-	-	-	-	-	37.200	-	37.200	7.450	2.000.000	-
5/34	-	-	-	-	-	-	30.520	-	30.520	2.520	2.000.000	-
6/35	-	-	-	-	-	-	23.229	-	23.229	-	2.000.000	-
7/36	-	-	-	-	-	-	15.248	-	15.248	-	2.000.000	-
8/37	-	-	-	-	-	-	6.476	-	6.476	-	2.000.000	-
9/38	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo (7)						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
1/30	39.870	35.000	-	4.870	10.500	-	7.685	-	7.685	-	2.000.000	-
2/31	39.870	35.000	-	4.870	14.000	-	19.077	-	19.077	-	2.000.000	-
3/32	39.870	35.000	-	4.870	24.500	-	41.522	-	41.522	10.022	2.000.000	-
4/33	-	-	-	-	-	-	34.310	-	34.310	4.560	2.000.000	-
5/34	-	-	-	-	-	-	26.688	-	26.688	-	2.000.000	-
6/35	-	-	-	-	-	-	18.491	-	18.491	-	2.000.000	-
7/36	-	-	-	-	-	-	9.811	-	9.811	-	2.000.000	-
8/37	-	-	-	-	-	-	548	-	548	-	2.000.000	-
9/38	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Ghi chú:

(1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).

(2) Bao gồm Thưởng duy trì hợp đồng và Thưởng tuổi vàng:

Thưởng duy trì hợp đồng: một khoản thưởng theo tỷ lệ % Giá trị tài khoản trung bình trong 60 tháng gần nhất sẽ được tích lũy ngay vào Giá trị tài khoản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20 như bảng dưới đây nếu trong khoảng thời gian xét thưởng (60 tháng trước ngày trả thưởng), hợp đồng có hiệu lực tại thời điểm trả thưởng và tổng Phí bảo hiểm đã đóng (không bao gồm phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung, nếu có) trừ tổng các khoản rút ≥ 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản năm được xác định tại Ngày hiệu lực hợp đồng.

Ngày kỷ niệm hợp đồng	Lần thứ 5	Lần thứ 10	Lần thứ 15	Lần thứ 20
Thưởng duy trì hợp đồng (% GTTK trung bình trong 60 tháng gần nhất)	3%	3,5%	4%	4,5%

Thưởng tuổi vàng: trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 80 tuổi, một khoản thưởng được tích lũy vào Giá trị tài khoản gia tăng theo tỷ lệ như sau:

Số tiền bảo hiểm được xác định tại Ngày hiệu lực hợp đồng	Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng	Từ 1,5 tỷ đồng
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	100%	120%

(3) Giá trị tài khoản là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản gia tăng, sau khi đã khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, phí bảo hiểm theo định kỳ tháng của (các) sản phẩm bổ sung (nếu, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung), các khoản rút tiền và phí rút tiền (nếu có).

(4) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu hủy hợp đồng trước hạn sau Thời gian cân nhắc hoặc tại Ngày đáo hạn hợp đồng.

(5) Việc rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản gia tăng trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

(6) Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
Vui lòng tham khảo lãi suất công bố thực tế tại https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/thong-tin-lai-suat/ và báo cáo tình hình hoạt động của quỹ liên kết chung tại https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/bao-cao-quy/. Lưu ý lãi suất công bố thực tế trong quá khứ chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo về lãi suất công bố trong tương lai.

(7) Lãi suất đảm bảo được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2-5	6-7	8-10	11-15	16-20	21+
Lãi suất đảm bảo hàng năm	3,75%	3%	2,5%	2%	1,5%	1%	0,5%

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) hàng tháng. Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực sẽ không được chi trả. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ minh họa quyền lợi tích lũy trong 20 năm đối với mức lãi suất minh họa 5,6%/năm. Trong các năm tiếp theo, Giá trị tài khoản vẫn tiếp tục được hưởng lãi theo lãi suất do Sun Life Việt Nam công bố tại từng thời điểm, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Thông tin về Quỹ liên kết chung

- Quỹ Liên kết chung được hình thành từ phí bảo hiểm (sau khi trừ Phí ban đầu) của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi Quỹ chủ sở hữu và các Quỹ chủ hợp đồng khác của Công ty. Công ty có quyền quyết định chính sách đầu tư và phương thức quản lý quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty sẽ thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn như chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Vui lòng tham khảo Thông tin về Quỹ liên kết chung tại Điều 17 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Sống Tinh Hoa.

2. Lãi suất công bố và Phí quản lý quỹ của Quỹ liên kết chung

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố (%/năm)	6,35%	5,96%	5,20%	4,74%	5.81%
Phí quản lý quỹ (%/năm)	1,00%	1,78%	1,85%	1,78%	1.97%

Ghi chú: Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất tích lũy.

TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

1. Phí ban đầu

Khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Giá trị tài khoản. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	**1**	**2**	**3**	**4-5**	**6 +**
Phí bảo hiểm cơ bản	70%	60%	30%	5%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	2%	2%	2%	2%	0%

2. Phí bảo hiểm rủi ro

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo vệ của Hợp đồng bảo hiểm. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Số tiền bảo hiểm rủi ro, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm và sẽ tăng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.

3. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng bằng 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

4. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ không vượt quá 2%/năm và sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất tích lũy.

5. Phí hủy hợp đồng

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng sau Thời gian cân nhắc. Phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm như được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	**1 - 3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10 +**
Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	90%	85%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

6. Phí rút tiền

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi thực hiện rút từ Giá trị tài khoản cơ bản và được tính bằng Phí hủy hợp đồng nhân tỷ lệ rút tiền. Tỷ lệ rút tiền là hệ số giữa số tiền rút và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm rút tiền.

Lưu ý: Trường hợp các khoản phí trên có sự thay đổi, Sun Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất 5,6%/năm
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	35.000	-	35.000	24.500	-	24.500	10.500	-	10.500	516	3.145
2/31	35.000	-	35.000	21.000	-	21.000	14.000	-	14.000	540	3.206
3/32	35.000	-	35.000	10.500	-	10.500	24.500	-	24.500	564	3.306
4/33	35.000	-	35.000	1.750	-	1.750	33.250	-	33.250	588	3.385
5/34	35.000	-	35.000	1.750	-	1.750	33.250	-	33.250	612	3.493
6/35	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	636	3.622
7/36	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	660	3.778
8/37	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	684	3.971
9/38	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	708	4.162
10/39	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	4.366
11/40	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	4.586
12/41	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	4.811
13/42	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.032
14/43	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.258
15/44	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.465
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.701
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.026
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.348
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.676
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.015

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	35.000	-	35.000	24.500	-	24.500	10.500	-	10.500	516	3.146
2/31	35.000	-	35.000	21.000	-	21.000	14.000	-	14.000	540	3.207
3/32	35.000	-	35.000	10.500	-	10.500	24.500	-	24.500	564	3.308
4/33	35.000	-	35.000	1.750	-	1.750	33.250	-	33.250	588	3.389
5/34	35.000	-	35.000	1.750	-	1.750	33.250	-	33.250	612	3.503
6/35	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	636	3.640
7/36	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	660	3.808
8/37	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	684	4.020
9/38	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	708	4.238
10/39	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	4.477
11/40	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	4.749
12/41	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.041
13/42	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.348
14/43	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	5.683
15/44	35.000	-	35.000	-	-	-	35.000	-	35.000	720	6.027
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.450
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.988
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.561
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.185
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.877
21/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.644
26/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	15.606
31/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	25.274

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
36/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	43.903
38/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	55.221

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ
TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất 5,6%/năm
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	35.000	-	35.000	24.500	-	24.500	10.500	-	10.500	516	3.145
2/31	35.000	-	35.000	21.000	-	21.000	14.000	-	14.000	540	3.206
3/32	35.000	-	35.000	10.500	-	10.500	24.500	-	24.500	564	3.306
4/33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	588	3.449
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	3.638
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	636	3.868
7/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	4.140
8/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	684	4.476

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ
TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	35.000	-	35.000	24.500	-	24.500	10.500	-	10.500	516	3.146
2/31	35.000	-	35.000	21.000	-	21.000	14.000	-	14.000	540	3.207
3/32	35.000	-	35.000	10.500	-	10.500	24.500	-	24.500	564	3.308
4/33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	588	3.454
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	3.644
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	636	3.876
7/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	4.151
8/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	684	4.488

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM SUN - SỐNG TINH HOA

1. Loại trừ trong trường hợp tử vong

- Hành động tự tử trong vòng 2 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có);
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm;
- Tử vong do thi hành án tử hình;
- Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS, các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi rút gây bệnh AIDS;
- Bệnh có sẵn.

2. Loại trừ trong trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- Sử dụng chất kích thích, ma túy, hoặc cố tình tự gây thương tích trong lúc tỉnh táo hay mất trí;
- Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến;
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Phục vụ cho quân đội vào thời gian chiến tranh;
- Tham gia các môn thể thao nguy hiểm;
- Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không trừ trường hợp Người được bảo hiểm, với tư cách là một hành khách, đi trên các chuyến bay thương mại với các lịch trình thường xuyên trên các tuyến đường đã được xác lập;
- Điều trị nhiễm bức xạ hoặc nhiễm phóng xạ;
- Hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội, hoặc hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm;
- Bệnh có sẵn.

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định chi tiết tại Điều 1.4 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Sống Tinh Hoa.

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA (CÁC) BẢO HIỂM BỔ SUNG

1. Bảo hiểm bổ sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện

- Bị chẩn đoán bệnh hiểm nghèo hoặc biến chứng tiểu đường trong vòng 90 ngày
- Tử vong trong 14 ngày kể từ ngày chẩn đoán bệnh
- Bệnh lý bẩm sinh
- Bệnh có sẵn
- Tự gây thương tích
- Chiến tranh, gây chiến
- Tham gia các môn thể thao nguy hiểm
- Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
- Nhiễm bức xạ, phóng xạ
- Vi phạm pháp luật
- Sử dụng thức uống có cồn/sử dụng trái phép chất kích thích, chất gây nghiện, thuốc ngủ, thuốc, thuốc an thần, chất độc

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 5 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện.

2. Bảo hiểm bổ sung - Sống An

- Tự tử trong vòng 2 năm;
- Tự gây thương tích
- Vi phạm pháp luật/Tham gia môn thể thao nguy hiểm/Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
- Chiến tranh/gây chiến…/Nhiễm bức xạ/phóng xạ
- Sử dụng thức uống có cồn/chất kích thích/chất gây nghiện/chất độc/thuốc
- Nhiễm trùng, nhiễm độc; đột tử; tai biến; do hậu quả trong quá trình điều trị bệnh, phẫu thuật

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 3 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Sống An.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN – Sống Tinh Hoa và các sản phẩm bổ sung (nếu có). Tôi cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình.
2. Tôi hiểu rằng tham gia Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Tôi không nên duy trì Hợp đồng bảo hiểm chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
3. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
4. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế, phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
5. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên; hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) hàng tháng.
6. Lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
7. Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
8. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và được đính kèm như là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tôi, **Tư vấn tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN – Sống Tinh Hoa và các sản phẩm bổ sung (nếu có) với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi, đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Mã số: 174433

Họ và tên: TRẦN VŨ QUỐC ẤN